

Số: /QĐ-PC08

Nghệ An, ngày 21 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Xét đề nghị của đồng chí Đội trưởng Đội Sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe mô tô cho tổng số: 502 thí sinh hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 24/7/2026 tại Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, địa chỉ: xã Vạn An, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông Đặng Thanh Thương, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 108/2026/TT-BCA ngày 29/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc
- Đ/c PGĐ Phụ trách
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lục).



TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Lê Thanh Nghị

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-PC08 ngày /7/2026 của Phòng CSGT)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 1681/QĐ-PC08 ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Phòng Cảnh sát giao thông)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	ĐẶNG VĂN AN	15/08/2004	*****14	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003063
2	CAO THANH AN	20/08/1983	*****81	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001941
3	ĐẶNG VĂN AN	15/08/2005	*****14	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003063
4	CAO THANH AN	20/08/1984	*****81	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001941
5	NGÔ TÚ ANH	29/08/2005	*****48	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007035
6	KHA HÙNG ANH	17/07/1997	*****38	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001151
7	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	12/10/1992	*****38	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		003873
8	NGUYỄN CÔNG ANH	18/08/2002	*****47	X. Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		001094
9	NGÔ TÚ ANH	29/08/2006	*****48	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007035
10	KHA HÙNG ANH	17/07/1998	*****38	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001151
11	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	12/10/1993	*****38	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		003873
12	NGUYỄN CÔNG ANH	18/08/2003	*****47	X. Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		001094
13	NGUYỄN NGỌC ÁNH	29/03/1998	*****90	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00857
14	TRẦN ĐÌNH ÁNH	16/01/2003	*****70	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003442
15	VÕ NGỌC ÁNH	06/01/2002	*****69	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004114
16	CAO THỊ MINH ÁNH	01/11/2007	*****11	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004128

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
17	NGUYỄN NGỌC ÁNH	29/03/1999	*****90	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00857
18	TRẦN ĐÌNH ÁNH	16/01/2004	*****70	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003442
19	VÕ NGỌC ÁNH	06/01/2003	*****69	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004114
20	CAO THỊ MINH ÁNH	01/11/2008	*****11	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004128
21	CAO THỊ ÁI ÂN	21/10/1979	*****73	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004175
22	CAO THỊ ÁI ÂN	21/10/1980	*****73	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004175
23	NGUYỄN HỮU BÁCH	25/06/2002	*****37	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005504
24	NGUYỄN HỮU BÁCH	25/06/2003	*****37	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005504
25	NGUYỄN VĂN BẢO	14/05/1989	*****33	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003817
26	NGUYỄN VĂN BẢO	14/05/1990	*****33	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003817
27	MAI THỊ BÍCH	05/08/1992	*****66	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		002637
28	MAI THỊ BÍCH	05/09/1992	*****66	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		002637
29	ĐINH TUẤN BIN	27/10/1996	*****84	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003376
30	ĐINH TUẤN BIN	27/10/1997	*****84	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003376
31	THÁI THỊ BÌNH	23/06/1996	*****68	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003362
32	NGUYỄN VĂN BÌNH	07/09/1990	*****90	X. Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		003074
33	HỒ VĂN BÌNH	20/12/1978	*****14	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		002276

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
34	NGUYỄN THỊ BÌNH	28/02/1996	*****93	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003444
35	NGUYỄN THỊ BÌNH	28/02/1997	*****93	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003444
36	VI THỊ BÓN	09/12/1984	*****21	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003584
37	NGUYỄN THỊ CẦN	03/02/1992	*****33	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002626
38	NGUYỄN VĂN CÔNG	22/12/1980	*****97	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		003404
39	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	26/03/1990	*****00	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		001460
40	HỒ THỊ CÚC	24/05/1985	*****70	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		002296
41	HỒ BÁ CƯỜNG	24/10/1984	*****59	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001500
42	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	06/10/1981	*****30	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		007654
43	CAO ĐỨC CƯỜNG	23/06/1988	*****26	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003445
44	THÁI QUỲNH CHI	06/04/2005	*****70	X. Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		002162
45	NGUYỄN THỊ LINH CHI	02/01/2003	*****88	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003986
46	LỮ THỊ KIM CHI	01/09/1980	*****47	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003626
47	CHÂU VĂN CHIẾN	11/03/1994	*****24	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003381
48	HỒ BÁ CHIẾN	10/01/1982	*****33	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		004115
49	PHẠM ĐÌNH CHIỀU	20/10/2007	*****12	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		002054
50	LÔ VĂN CHÍN	26/11/1991	*****84	Xã Nhôn Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002466

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
51	TRẦN VĂN CHUNG	10/05/1992	*****67	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		002808
52	HOÀNG ĐỨC CHUNG	22/12/1998	*****58	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004130
53	NGUYỄN VĂN CHUNG	02/12/1993	*****46	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		003922
54	LÊ ANH CHUYỀN	12/05/1972	*****04	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		002700
55	BÙI THỊ CHUYỀN	22/02/1985	*****31	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004002
56	PHAN NGỌC CHUÔNG	17/02/1971	*****23	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003339
57	NGUYỄN NGUYỄN CHUÔNG	21/09/1989	*****68	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003043
58	HỒ DANH	02/03/1987	*****52	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002056
59	NGUYỄN ĐÌNH DANH	19/05/1991	*****09	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		004027
60	NGUYỄN ÁNH DIỆU	20/06/2006	*****20	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007685
61	NGUYỄN THỊ DUNG	24/05/1997	*****91	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		006381
62	LÊ THỊ DUNG	03/12/1992	*****37	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002774
63	TẠ ANH DŨNG	13/04/2002	*****26	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002944
64	ĐÌNH VĂN DŨNG	19/09/1986	*****17	Xã Kỳ Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		002074
65	HỒ ĐÌNH DŨNG	27/02/2002	*****11	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007211
66	THÁI BÁ DŨNG	22/12/1992	*****15	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003448
67	NGUYỄN XUÂN DŨNG	02/04/1983	*****03	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002910

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
68	NGUYỄN TIẾN DŨNG	01/08/1982	*****97	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003926
69	NGUYỄN PHƯỚC DUY	01/03/2006	*****01	X. Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004398
70	ĐÀM ĐỨC DUY	20/11/2006	*****44	X. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		004760
71	ĐẶNG THỊ DUYÊN	02/06/1989	*****50	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004777
72	PHẠM THỊ DUYÊN	27/08/1996	*****04	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00690
73	TRƯƠNG ĐÌNH DƯƠNG	08/10/1978	*****31	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001250
74	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	06/01/1999	*****66	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002860
75	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	20/03/1976	*****85	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		003407
76	BÙI XUÂN DƯƠNG	17/01/1983	*****85	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003818
77	TRẦN NGỌC ĐẠI	06/06/1993	*****17	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	00794
78	LƯƠNG THỊ ĐÀO	14/02/1991	*****47	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003628
79	TRẦN VĂN ĐẠT	04/02/1981	*****03	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002022
80	NGUYỄN THẠC ĐẠT	19/12/1992	*****68	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003405
81	TRẦN VĂN ĐẠT	08/10/2007	*****95	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003924
82	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐĂNG	02/03/1991	*****64	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002858
83	ĐẬU KIM ĐỊNH	10/03/1984	*****29	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002908
84	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	26/02/1992	*****71	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	003382

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
85	TRẦN VĂN ĐOÀN	27/01/1985	*****09	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	x		002059
86	NGUYỄN THÀNH ĐÔNG	01/07/2001	*****36	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002277
87	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	01/07/1987	*****37	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002806
88	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	20/08/1981	*****51	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003537
89	BIỆN VĂN ĐÔNG	01/01/1993	*****49	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		003544
90	NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	03/08/1988	*****22	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003555
91	HỒ VĂN ĐÔNG	16/11/1986	*****41	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		00795
92	NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG	10/01/1984	*****75	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002060
93	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	02/09/1987	*****08	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002024
94	CAO XUÂN ĐỨC	15/01/2001	*****93	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003812
95	VI TRUNG ĐỨC	20/11/1993	*****96	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003925
96	PHẠM THỊ GIANG	20/06/1993	*****59	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		001787
97	NGUYỄN THỊ GIANG	11/06/1985	*****60	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002798
98	HOÀNG HỮU GIANG	23/05/2001	*****86	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001210
99	BÙI LINH GIANG	07/12/1995	*****15	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003753
100	NGUYỄN HOÀNG CHÂU GIANG	09/01/2004	*****84	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		002810
101	ĐẶNG LAN GIANG	02/09/1976	*****67	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003449

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
102	LÊ THỊ GIANG	03/03/1993	*****73	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003450
103	NGUYỄN THỊ HÀ	24/11/1992	*****29	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001504
104	NGUYỄN NGỌC HÀ	18/07/1969	*****08	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		002413
105	PHAN THỊ HÀ	10/08/1993	*****71	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003374
106	LÊ HỮU HÀ	14/07/1973	*****13	Xã Cẩm Duệ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		001251
107	LÊ THỊ HÀ	12/09/1992	*****07	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		001584
108	ĐINH THỊ THU HÀ	24/03/1972	*****78	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		001352
109	PHẠM THỊ THU HÀ	20/09/2001	*****49	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002862
110	SÂM THỊ THU HÀ	02/02/1989	*****73	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003585
111	HỒ VIỆT HÀ	13/01/1991	*****48	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003255
112	LÊ THỊ HÀ	13/01/1997	*****80	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004134
113	ĐINH VĂN HÀ	25/02/1986	*****99	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003927
114	TRẦN THỊ THANH HẢI	14/07/1988	*****32	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00849
115	CAO MINH HẢI	01/07/1970	*****74	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002026
116	NGUYỄN THỊ HẢI	10/09/1974	*****44	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003874
117	NGUYỄN CAO HẢI	20/04/1985	*****94	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003451
118	NGUYỄN TẤT HẢI	20/10/1997	*****89	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003556

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
119	HỒ VĂN HẢI	07/07/1984	*****32	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003929
120	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	11/01/1982	*****70	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		002299
121	LÊ THỊ HẠNH	26/12/1973	*****01	Xã Vinh Tường, Tỉnh Nghệ An	x		003988
122	LÊ THỊ HẠNH	13/04/1995	*****01	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004024
123	PHAN VĂN HẢO	21/11/2002	*****28	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001470
124	NGUYỄN THỊ HẰNG	05/11/1992	*****79	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003188
125	BÙI THỊ HẰNG	28/01/1999	*****67	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002811
126	NGUYỄN THỊ HẰNG	28/02/1986	*****24	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003586
127	ĐINH THỊ HẰNG	09/09/1994	*****38	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003631
128	THÁI THỊ HẰNG	01/11/1999	*****01	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x		003907
129	HOÀNG THỊ THÚY HẰNG	19/10/1985	*****59	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		006921
130	CHU THỊ HIỀN	17/10/1986	*****30	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001611
131	NGUYỄN THỊ HIỀN	12/11/1985	*****15	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		001427
132	ĐÀO THỊ THU HIỀN	06/10/2007	*****91	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001959
133	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	20/08/1977	*****39	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002652
134	HOÀNG THỊ THU HIỀN	19/05/1991	*****29	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003409
135	LÊ HỮU HIỀN	03/07/1992	*****92	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003059

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
136	HOÀNG VĂN HIỆP	18/06/1992	*****66	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004249
137	ĐẶNG QUANG HIẾU	10/11/1990	*****36	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002238
138	NGUYỄN VĂN HIẾU	25/07/2002	*****77	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003257
139	LÊ VĂN HIẾU	10/08/1995	*****59	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003889
140	VŨ THỊ THANH HOA	20/10/1986	*****54	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003280
141	NGUYỄN THỊ HOA	21/03/1978	*****97	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002303
142	NGUYỄN DUY HOA	25/09/1993	*****30	Xã Tam Hồng, Tỉnh Phú Thọ	x		002863
143	HOÀNG THỊ HOA	30/06/1993	*****96	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003931
144	HỒ HỮU HÒA	10/05/1985	*****89	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		006511
145	NGUYỄN THỊ HÒA	20/12/1992	*****40	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003632
146	LÊ THỊ HÓA	26/12/1991	*****04	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001587
147	NGUYỄN THỊ HOÀI	04/12/1999	*****95	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002612
148	HỒ THỊ HOÀI	17/10/1996	*****05	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		003291
149	NGUYỄN THỊ HOÀI	18/05/2000	*****82	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00463
150	NGUYỄN THỊ HOÀI	09/12/1981	*****69	X. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001613
151	CAO THU HOÀI	04/04/2007	*****42	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003735
152	TRẦN THỊ HOÀI	13/10/1994	*****65	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003306

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
153	NGUYỄN THỊ HOÀI	19/05/1985	*****08	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003399
154	TRỊNH THỊ HOAN	20/06/1988	*****12	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002836
155	HỒ SỸ HOÀN	24/06/2005	*****26	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002580
156	HỒ TRỌNG HOÀNG	10/02/1993	*****90	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		007933
157	NGUYỄN VĂN HOÀNG	14/08/1987	*****26	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002914
158	CAO VIẾT HOÀNG	24/11/2006	*****195	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		00796
159	LƯƠNG THỊ HOÀNG	26/06/1987	*****23	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x		003633
160	THÁI VĂN HOÀNG	02/09/1986	*****82	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		003545
161	NGUYỄN LÂM HOÀNG	06/09/1989	*****89	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003454
162	NGUYỄN THỊ HỒNG	02/09/1991	*****45	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003341
163	TRẦN THỊ HỒNG	27/12/1992	*****63	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		003634
164	NGÔ THỊ HỘI	20/02/1983	*****87	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00864
165	NGUYỄN THỊ HỘI	06/02/1994	*****51	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001744
166	NGUYỄN TẮT HỢP	04/09/1992	*****14	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003557
167	NGUYỄN THỊ HUỆ	15/02/1987	*****82	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002444
168	PHẠM THỊ HUỆ	06/08/1989	*****98	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003519
169	ĐẶNG QUANG HÙNG	14/11/1989	*****49	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		004572

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
170	NGUYỄN VĂN HÙNG	09/08/1988	*****76	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002915
171	ĐẶNG VĂN HÙNG	04/01/1976	*****36	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002166
172	TRẦN HUY HÙNG	19/07/1995	*****66	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		003303
173	THÁI DOÃN HÙNG	21/04/1991	*****92	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002864
174	HOÀNG VĂN HÙNG	22/10/1982	*****34	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		003546
175	CAO XUÂN HÙNG	14/07/1986	*****65	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		003455
176	LÊ VĂN HÙNG	08/04/1992	*****44	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003890
177	ĐINH XUÂN HÙNG	08/10/1972	*****03	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004135
178	NGÔ BÁ HÙNG	27/11/2005	*****34	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x		003933
179	LÊ KHẮC QUANG HUY	16/09/2001	*****76	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003222
180	TRẦN QUANG HUY	08/02/2001	*****04	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002051
181	CAO PHAN NHẤT HUY	10/09/2007	*****04	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		001916
182	NGÔ THỊ THANH HUYỀN	06/10/1984	*****77	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A.01	002838
183	HOÀNG THỊ HUYỀN	18/09/2001	*****33	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003412
184	NGUYỄN BẢO HÙNG	16/03/2007	*****89	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		004860
185	NGŨ TUẤN HÙNG	10/12/2007	*****53	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002220
186	VŨ MINH HÙNG	25/04/1990	*****82	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003258

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
187	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	22/02/1982	*****02	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	x		003565
188	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	03/09/1981	*****93	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		001320
189	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	28/10/1994	*****15	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002027
190	TRẦN THỊ HƯƠNG	17/06/1990	*****60	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001793
191	LÊ HỮU HƯƠNG	02/09/1992	*****37	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002737
192	HOÀNG THỊ HƯƠNG	03/08/1993	*****56	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003981
193	QUẾ THỊ HƯƠNG	15/06/1990	*****62	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		003012
194	NGÔ THỊ HƯƠNG	28/08/1985	*****03	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003821
195	PHẠM THỊ HƯƠNG	03/09/1997	*****94	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002916
196	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	22/03/1985	*****54	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006601
197	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	12/12/1989	*****73	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002897
198	ĐẶNG HỮU	01/07/1976	*****52	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x		001252
199	NGUYỄN ĐÌNH HỮU	16/09/1984	*****01	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002028
200	ĐOÀN THỊ HỮU	21/09/1991	*****01	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002663
201	ĐOÀN THANH HỮU	08/08/1968	*****75	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003635
202	NGUYỄN MINH KIÊM	05/06/1988	*****66	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002279
203	HỒ BÁ KIÊN	14/09/1985	*****10	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002769

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
204	NGUYỄN VĂN KIÊN	25/04/1992	*****66	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002307
205	NGUYỄN CHÍ KIÊN	31/05/2007	*****75	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007563
206	LƯU CÔNG TUẤN KIẾT	26/07/2007	*****43	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002226
207	LÊ THỊ THÚY KIỀU	09/10/1990	*****32	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001313
208	PHAN THỊ KIỀU	20/03/1993	*****77	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		002868
209	NGUYỄN THỊ KIỀU	25/11/1995	*****21	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002867
210	NGUYỄN VĂN KHAI	05/01/1988	*****64	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		00682
211	BÙI ĐĂNG KHẢI	30/11/1988	*****96	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003357
212	HỒ VĂN KHANG	15/08/1978	*****17	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001982
213	CAO ĐĂNG KHÁNH	26/08/1976	*****80	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002866
214	NGUYỄN ĐỨC KHẮC	06/06/1993	*****81	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002252
215	HỒ VĂN KHOÁT	08/11/2002	*****16	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		001253
216	LÊ THỊ LAM	07/05/1993	*****89	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002063
217	VI THỊ LAN	19/07/1988	*****01	Xã Mường Chộng, Tỉnh Nghệ An	x		002776
218	LƯƠNG THỊ HƯƠNG LAN	17/05/1990	*****88	X. Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005128
219	NGUYỄN THỊ LAN	18/11/1983	*****64	Xã Hợp Tiến, Thành phố Hải Phòng	x		002869
220	NGUYỄN VĂN LÂM	20/07/1989	*****60	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001472

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
221	NGUYỄN THỊ TÙNG LÂM	19/07/1990	*****30	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003016
222	MAI VĂN LẬP	10/08/1978	*****00	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		007856
223	TRƯƠNG THỊ LÊ	27/04/1992	*****69	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003379
224	TRẦN THỊ LỆ	30/12/1977	*****13	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002553
225	ĐẶNG THANH LỊCH	11/10/1998	*****46	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003721
226	PHẠM THỊ LIÊN	26/02/1991	*****62	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001416
227	LƯU THỊ LIÊN	02/09/1984	*****64	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		004674
228	TRẦN THỊ THÚY LIỄU	16/10/1991	*****42	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004182
229	NGÔ THỊ GIA LINH	03/11/2006	*****65	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002748
230	HOÀNG THỊ TỔ LINH	05/10/1992	*****07	Xã Việt Tiến, Tỉnh Hưng Yên	x	A1	002477
231	VŨ NGỌC LINH	09/08/1992	*****59	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002469
232	LÊ THỊ LINH	30/06/2002	*****63	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001768
233	PHẠM GIANG LINH	26/08/1999	*****11	Xã Xuân Bình, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	001957
234	TRƯƠNG THỊ ÁI LINH	20/11/1994	*****05	X. Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003533
235	NGUYỄN THỊ LINH	12/01/1999	*****41	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003314
236	NGUYỄN BÁ LINH	20/07/1980	*****60	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		003520
237	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	05/10/1996	*****14	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002870

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
238	PHAN THỊ DIỆU LINH	22/11/2007	*****56	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		002871
239	THÁI LÝ LINH	16/03/1997	*****83	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003414
240	LÊ THỊ THÙY LINH	25/05/1995	*****54	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003588
241	HOÀNG VĂN LINH	15/01/1990	*****92	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		003935
242	TRƯƠNG ĐỨC LINH	18/05/1995	*****36	Phường Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hoá			
243	LÊ THỊ LOAN	05/06/1980	*****69	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002701
244	NGUYỄN THỊ LOAN	19/11/2001	*****83	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002707
245	TRẦN THỊ LOAN	19/11/1989	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		0082
246	HÀ THỊ LOAN	15/10/1993	*****84	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001750
247	TRỊNH THỊ LOAN	18/11/1979	*****70	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003226
248	PHẠM THỊ LONG	20/02/1990	*****90	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002873
249	NGUYỄN VĂN LONG	17/08/1991	*****22	Xã Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003936
250	PHAN ĐÌNH LỘC	27/01/1987	*****79	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		001909
251	NGUYỄN XUÂN LỘC	26/04/2006	*****75	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002217
252	NGUYỄN XUÂN LỢI	25/11/1982	*****86	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003041
253	ĐOÀN VĂN LỢI	11/01/2002	*****58	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002872
254	THÁI THỊ LỰA	10/11/1981	*****02	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002554

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
255	TRƯƠNG VĂN LƯƠNG	28/10/1987	*****93	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003227
256	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	10/09/1990	*****27	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002875
257	HOÀNG KHÁNH LY	02/12/1994	*****00	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002394
258	NGUYỄN THỊ HIỀN LY	23/08/2002	*****10	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004971
259	PHẠM CẨM LY	28/12/2001	*****96	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002181
260	TRẦN CẨM LY	18/02/2000	*****69	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003589
261	NGUYỄN THỊ HỒNG LÝ	15/06/1991	*****64	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002219
262	PHAN THỊ LÝ	15/02/1991	*****51	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003416
263	TRƯƠNG THỊ LÝ	30/03/1984	*****29	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003639
264	PHÙNG THỊ MAI	21/08/1986	*****88	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		001299
265	PHAN THỊ MAI	28/06/1992	*****72	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001312
266	NGUYỄN THỊ MAI	15/08/1995	*****93	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A01	003590
267	NGUYỄN THỊ MAI	21/09/1990	*****26	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003893
268	LÊ VĂN MẠNH	30/10/1981	*****40	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002840
269	LÊ ĐỨC MẠNH	03/10/2004	*****63	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002876
270	NGUYỄN NGỌC MẠNH	08/08/1996	*****83	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004119
271	PHAN ĐỨC MẠNH	05/04/2006	*****01	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	003937

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
272	TRẦN VƯƠNG MẶN	24/07/1981	*****07	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003806
273	HỒ BÁ MINH	06/10/1991	*****87	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001950
274	NGUYỄN THỊ MINH	06/05/1977	*****19	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002032
275	NGUYỄN ĐÌNH MINH	08/10/1967	*****01	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001862
276	TRẦN ĐÌNH MINH	26/06/1959	*****03	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007181
277	HỒ THỊ MINH	12/07/1998	*****03	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		007664
278	PHẠM HỒNG MINH	05/08/1992	*****67	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002732
279	PHAN VĂN QUANG MINH	26/12/2004	*****12	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002555
280	ĐẶNG THỊ MINH	25/04/1985	*****25	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002841
281	LÊ VĂN MINH	09/03/1989	*****91	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003938
282	PHẠM VĂN MINH	06/10/1996	*****27	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003939
283	PHẠM VĂN MÙI	10/08/1991	*****74	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		004018
284	NGUYỄN THỊ MƯỜI	12/04/1984	*****48	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002821
285	VŨ THỊ TRÀ MY	26/12/2004	*****87	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		002921
286	ĐẬU THỊ DIỆU MY	10/06/2006	*****05	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		00245
287	BÙI THỊ MỸ	03/08/1993	*****62	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		003417
288	HOÀNG THỊ LÊ NA	25/06/2006	*****87	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002177

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
289	NGUYỄN THỊ NAM	15/09/1982	*****32	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00711
290	ĐINH VĂN NAM	10/10/1992	*****68	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002033
291	HỒ PHƯƠNG NAM	01/09/1996	*****29	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		002575
292	NGUYỄN ĐỨC NAM	03/08/1995	*****78	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002478
293	VŨ NGỌC NAM	06/06/1986	*****99	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003836
294	PHẠM QUANG NAM	26/10/1996	*****41	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004138
295	THÁI HOÀNG NAM	15/08/2001	*****35	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002923
296	NGUYỄN ĐÌNH NAM	25/01/2003	*****76	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		002922
297	VI VĂN NINH	06/02/1976	*****06	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	x		003595
298	TRẦN THỊ QUỲNH NGA	05/06/1978	*****36	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		007203
299	BÙI THỊ THÚY NGA	04/04/1980	*****05	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003591
300	HỒ THỊ QUỲNH NGA	30/04/2002	*****74	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003808
301	NGUYỄN THỊ HIẾU NGÂN	08/01/2004	*****26	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x		002622
302	NGUYỄN THỊ NGÂN	22/01/2003	*****08	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003532
303	NGUYỄN THỊ NGÂN	29/07/1997	*****09	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003592
304	LÊ XUÂN NGHI	23/02/1972	*****80	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003358
305	TRẦN THỊ NGHĨA	26/01/1978	*****13	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002843

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
306	LÊ CÔNG NGHIÊM	18/02/1994	*****39	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002793
307	HOÀNG THỦY NGOAN	28/07/1992	*****1	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		001594
308	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/01/1994	*****42	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001882
309	LƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	01/12/2001	*****88	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002823
310	PHẠM ÁNH NGỌC	08/10/2001	*****27	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	x		002878
311	LÊ ĐÌNH NGUYỄN	19/05/1992	*****83	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002471
312	CAO ĐÌNH NGUYỄN	06/04/2004	*****30	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00384
313	TRẦN HOÀNG ANH NGUYỄN	18/08/2007	*****06	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		005546
314	TRẦN THẢO NGUYỄN	18/01/2004	*****75	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002845
315	PHAN VĂN TÀI NGUYỄN	19/08/2003	*****22	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003261
316	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	25/10/1991	*****63	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	x		00786
317	HOÀNG THỊ NGUYỆT	24/06/1998	*****68	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003593
318	LÊ THỊ NHÀN	12/06/1997	*****40	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003823
319	VY THỊ NHÂM	10/12/1978	*****47	Xã Nga My, Tỉnh Nghệ An	x	A1	006297
320	NGUYỄN THỊ NHÃN	01/08/1987	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003748
321	ĐẶNG TRỌNG NHẤT	01/01/1994	*****63	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003940
322	BÙI LONG NHẬT	18/08/1999	*****77	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002576

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
323	LÊ VIỆT NHẬT	24/03/2007	*****21	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002479
324	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	27/08/2006	*****40	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00632
325	NGUYỄN VIỆT NHẬT	02/09/1985	*****20	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003461
326	HỒ TÚ NHI	12/02/2002	*****22	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		007045
327	BÙI THỊ YẾN NHI	01/07/2006	*****03	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		004121
328	HUỲNH THỊ NHUNG	02/01/1991	*****54	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003344
329	TRẦN THỊ NHUNG	02/09/1977	*****27	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003292
330	HỒ THỊ NHUNG	02/09/1986	*****96	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003531
331	HỒ THỊ NHUNG	02/07/1990	*****63	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		003594
332	NGUYỄN THỊ NHUNG	24/12/1992	*****79	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003462
333	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	05/11/1978	*****60	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002503
334	TRẦN THỊ OANH	19/05/1996	*****06	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002624
335	PHAN THỊ OANH	20/07/1979	*****88	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00787
336	PHẠM THỊ OANH	19/08/1999	*****00	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003512
337	VÕ THỊ OANH	20/04/1994	*****03	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003305
338	HOÀNG THỊ OANH	04/09/2007	*****91	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002314
339	NGUYỄN THỊ THÙY OANH	02/08/1999	*****95	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002826

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
340	NGUYỄN THỊ OANH	09/09/1985	*****64	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		002825
341	NGUYỄN THỊ OANH	25/01/1986	*****83	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		003395
342	ĐÀO THỊ PHẤN	04/02/1984	*****69	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002012
343	ĐẬU CÔNG PHI	02/02/1976	*****76	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001707
344	HOÀNG VĂN PHI	20/09/1987	*****46	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003824
345	TRẦN VĂN PHONG	01/03/1982	*****05	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003056
346	NGUYỄN TỬ PHÒNG	06/04/2001	*****21	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004139
347	LÊ THỊ PHÚ	18/03/1988	*****53	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001448
348	LÊ QUANG PHÚ	05/09/2003	*****59	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001421
349	LÊ VĂN PHÚC	04/04/1979	*****16	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007003
350	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	03/12/2006	*****92	P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00249
351	THÁI ĐÌNH PHÚC	04/06/2002	*****86	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003912
352	LÊ VĂN PHƯƠNG	26/03/1988	*****15	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001226
353	HỒ THỊ PHƯƠNG	08/03/1990	*****56	Xã Quỳnh Vãn, Tỉnh Nghệ An	x		001709
354	LŨ THỊ BÍCH PHƯƠNG	06/03/1994	*****72	Xã Cam Phục, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003014
355	VÕ THỊ PHƯƠNG	12/07/1987	*****12	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003308
356	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/10/1994	*****13	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002847

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
357	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	09/10/1984	*****31	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003641
358	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	06/09/1997	*****99	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007879
359	HÀ THỊ PHƯỢNG	14/11/1983	*****11	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		003013
360	NGUYỄN NHUẬN QUANG	09/01/2004	*****08	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001073
361	TRƯỜNG VĂN QUANG	10/09/1982	*****46	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001319
362	NGUYỄN VĂN QUANG	29/04/1984	*****55	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001413
363	HỒ SỸ ANH QUÂN	27/11/2006	*****34	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x		001773
364	NGÔ NHẬT QUÂN	02/01/2007	*****15	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001216
365	NGÔ QUỐC QUÂN	05/07/1995	*****21	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003052
366	NGÔ THÀNH QUÂN	26/12/2007	*****04	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003315
367	NGUYỄN HUY QUÂN	10/08/1996	*****26	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x		007459
368	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	07/11/1987	*****33	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003943
369	NGUYỄN QUYỀN	26/03/1991	*****78	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003391
370	TÔ DUY QUYẾT	04/02/1992	*****97	Xã Đức Cơ, Tỉnh Gia Lai	x	A1	002927
371	XÔNG BÁ RỪA	26/04/1983	*****92	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x		005762
372	HỒ THỊ SÁU	14/11/1990	*****20	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		001688
373	TRẦN THỊ SÂM	03/07/1985	*****64	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		00744

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
374	TRẦN THỊ HƯƠNG SEN	16/09/1986	*****64	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003644
375	NGUYỄN DUY SƠN	02/06/2002	*****57	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		001913
376	ĐỖ MINH SƠN	10/03/1970	*****51	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	x		007723
377	NGUYỄN VĂN SƠN	30/09/1994	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002281
378	NGUYỄN VĂN SƠN	27/07/1979	*****68	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003765
379	NGUYỄN MINH SƠN	16/08/1987	*****82	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003263
380	NGUYỄN CÔNG SƠN	22/12/1979	*****83	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003895
381	NGUYỄN THỊ SƯƠNG	25/08/1985	*****43	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003521
382	LÊ ĐÌNH TÀI	20/10/1992	*****99	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002791
383	NGUYỄN CÔNG TÀI	15/04/2006	*****70	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		007076
384	NGUYỄN QUANG TÀI	10/02/2003	*****84	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002850
385	TRƯƠNG CÔNG TAM	20/10/1988	*****76	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001227
386	PHAN THỊ TÂM	19/05/1988	*****12	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001655
387	TRẦN THỊ THANH TÂM	18/10/2001	*****97	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002851
388	NGUYỄN THỊ TÂM	25/10/1986	*****56	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		003896
389	CHU VĂN TÂN	02/04/1994	*****53	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007079
390	NGUYỄN THỊ TÂN	09/09/2001	*****25	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004023

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
391	PHAN HUY TIẾN	10/01/1992	*****22	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001925
392	THÁI BÁ TIẾN	20/05/1982	*****21	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003467
393	NGUYỄN VĂN TIẾN	12/08/1998	*****86	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004144
394	TRẦN VĂN TIN	07/09/1999	*****10	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		003550
395	PHẠM HUY TOÀN	22/12/1976	*****96	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003398
396	NGUYỄN THẾ TOÀN	06/03/1982	*****43	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003898
397	ĐẬU LÊ SỸ TOÀN	19/03/2000	*****86	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002931
398	TRẦN QUỐC TOÀN	16/06/1988	*****43	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003560
399	HÀ VĂN TOẢN	12/11/1981	*****24	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003944
400	TRẦN NGỌC TÚ	02/09/1986	*****12	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	005966
401	VŨ VĂN TÚ	10/09/2007	*****88	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		002084
402	LANG MINH TÚ	15/02/1978	*****50	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003345
403	NGUYỄN ĐÌNH TÚ	27/11/1986	*****16	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		002854
404	CAO VĂN TÚ	17/02/1992	*****38	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003837
405	NGUYỄN KHẮC TUÂN	20/03/1973	*****97	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003739
406	HỒ ĐÌNH TUẤN	19/01/2003	*****85	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001698
407	ĐÌNH VĂN TUẤN	26/10/1976	*****98	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002339

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
408	TRẦN ĐÌNH ANH TUẤN	27/08/1997	*****19	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002222
409	HỒ VĂN TUẤN	20/05/1989	*****80	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		002460
410	LÔ VĂN TUẤN	17/04/1970	*****93	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	x		003647
411	HOÀNG VĂN TUẤN	20/02/2008	*****48	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		003945
412	NGUYỄN CẢNH TUẤT	04/02/1982	*****40	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002855
413	NGUYỄN TẮT TÙNG	06/12/1975	*****80	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00917
414	PHAN THANH TÙNG	15/04/1984	*****57	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002470
415	NGUYỄN THỊ TUYỀN	13/05/1988	*****73	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002885
416	NGUYỄN THỊ TUYẾT	01/01/1987	*****91	Xã Bát Tràng, Thành phố Hà Nội	x		003200
417	PHẠM THỊ TUYẾT	12/12/1970	*****69	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003885
418	TRỊNH XUÂN TỬ	06/11/1984	*****34	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003468
419	LÊ VĂN TƯỜNG	06/10/1970	*****56	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002566
420	LÊ QUỐC TƯỜNG	19/03/1988	*****33	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		003469
421	ĐẶNG VĂN THẠCH	27/07/1984	*****96	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002036
422	PHẠM VĂN THÁI	04/05/1993	*****35	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		002283
423	ĐẶNG QUANG THÁI	10/09/1984	*****59	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001030
424	HỒ QUỐC THÁI	25/03/1993	*****75	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		003543

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
425	NGUYỄN THỊ THANH	14/08/1993	*****09	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		003205
426	NGUYỄN THỊ THANH	10/03/1991	*****27	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001673
427	NGUYỄN THỊ THANH	30/03/1990	*****86	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003756
428	LÊ THỊ MỸ THANH	28/06/1994	*****48	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002881
429	TRẦN ĐÌNH THÀNH	29/06/1990	*****57	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	x		003033
430	NGUYỄN NHẬT THÀNH	12/09/2006	*****44	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001732
431	LÊ CÔNG THÀNH	01/11/1998	*****00	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001902
432	TRẦN VĂN THÀNH	05/02/1985	*****40	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002457
433	BÙI TUẤN THÀNH	12/07/1998	*****53	Xã Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	003037
434	LÊ VĂN THÀNH	29/05/1992	*****04	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003265
435	LÊ THỊ BÍCH THẢO	21/03/1993	*****43	Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị	x		002200
436	CHU PHẠM PHƯƠNG THẢO	03/06/1995	*****08	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	00840
437	NGUYỄN THỊ THẢO	07/03/1994	*****09	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		002882
438	LƯƠNG THỊ THẢO	05/03/1986	*****49	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x		003645
439	PHẠM VĂN THẨM	20/02/1990	*****36	Xã Thái Hòa, Tỉnh Tuyên Quang	x		002779
440	TRẦN THỊ THẨM	10/02/1992	*****59	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002880
441	TRỊNH THỊ THẨM	21/06/1990	*****74	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		003421

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
442	LÊ HUY THẮNG	17/09/1982	*****16	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001437
443	LÊ VĂN THẮNG	22/10/2000	*****17	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002578
444	PHAN VĂN THẮNG	03/06/1979	*****51	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		001453
445	LÊ VĂN THẮNG	20/04/1990	*****31	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001474
446	HỒ CHÍ THẮNG	12/07/1986	*****54	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		007724
447	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	02/09/1996	*****97	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003558
448	NGUYỄN VĂN THÂN	15/08/1983	*****63	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	x		003232
449	ĐẬU ĐỨC THỂ	06/09/1992	*****74	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	x		004032
450	NGUYỄN THỊ THÊM	28/08/1988	*****30	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002440
451	PHẠM THỊ THÊU	21/12/1989	*****64	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003422
452	NGUYỄN THỊ THI	25/11/2000	*****88	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		00735
453	ĐÀM TRƯỜNG THI	10/10/1982	*****29	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007964
454	NGUYỄN ĐÌNH THI	05/06/2006	*****72	P. Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		005951
455	LÊ XUÂN THI	20/08/1981	*****26	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004022
456	NGUYỄN DUY THIỆN	14/10/1985	*****89	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		002046
457	NGÔ SỸ THIẾT	11/10/1991	*****45	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002284
458	NGUYỄN THỊ THỌ	20/05/1980	*****00	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003915

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
459	HỒ VĂN THÔNG	10/12/1991	*****10	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002929
460	HOÀNG VĂN THÔNG	13/01/1989	*****28	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		003866
461	NGUYỄN ĐÌNH THÔNG	29/01/1993	*****12	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x		001694
462	TRẦN THỊ THƠM	25/05/1996	*****51	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001079
463	CAO THỊ THƠM	29/03/1993	*****53	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003518
464	THÁI THỊ THỦY	27/11/1977	*****80	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		003736
465	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	20/04/1987	*****47	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		001874
466	THÁI THỊ XUÂN TRÀ	26/12/1999	*****82	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003516
467	VÕ NGỌC TRAI	11/12/2000	*****18	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	004146
468	PHẠM THỊ TRANG	19/04/2004	*****52	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x		002541
469	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	10/08/1986	*****77	Xã Nghĩa Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		002565
470	LÊ THỊ THÙY TRANG	02/04/1991	*****11	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		002016
471	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	14/12/2003	*****71	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002430
472	THÁI THỊ TRANG	15/10/1993	*****32	X. Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		003001
473	CAO THỊ THU TRANG	29/06/1991	*****45	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003274
474	TRẦN THỊ TRANG	23/04/1996	*****14	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	x		004001
475	NGUYỄN VĂN TRÌ	17/03/1992	*****67	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	x		001476

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Sổ chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
476	NGUYỄN QUỐC TRỊ	20/06/1966	*****69	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001735
477	ĐẬU THỊ TRÌNH	17/08/1989	*****63	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003147
478	LÊ TRUNG	20/04/1980	*****43	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001257
479	HỒ VĂN TRUNG	18/07/2006	*****14	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	007937
480	NGÔ SỸ TRUNG	27/07/1985	*****23	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x		003068
481	TRẦN BÁ TRUNG	08/09/1990	*****15	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002263
482	ĐẬU VĂN TRUNG	20/10/1976	*****06	X. Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		004018
483	TRƯƠNG MINH TRƯỜNG	07/10/2004	*****99	Xã Minh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		001228
484	NGUYỄN BÁ TRƯỜNG	23/08/1972	*****89	Xã Quỳnh Thắng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001523
485	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	30/12/1977	*****73	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001205
486	TRẦN THỊ UYÊN	13/02/1999	*****86	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	002514
487	NGUYỄN LÊ ƯỚC	09/12/2005	*****51	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00804
488	NGUYỄN THỊ VÂN	19/04/1980	*****04	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		002320
489	NGUYỄN THỊ VÂN	08/04/1996	*****24	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003948
490	BÙI VĂN VIỆT	01/11/2002	*****95	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		002070
491	NGUYỄN THỊ VINH	30/10/1980	*****72	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		007517
492	NGUYỄN LÂM VINH	10/10/1992	*****07	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003470

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
493	TẠ DANH VŨ	30/07/1996	*****39	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		001715
494	VÕ HỒ THẢO VY	06/07/2004	*****03	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		003346
495	BÙI VĂN VỸ	21/06/1991	*****71	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	00602
496	NGUYỄN THỊ XUÂN	17/11/1984	*****64	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		002441
497	PHẠM THỊ XUÂN	12/12/1974	*****92	X. Cát Ngạn, Tỉnh Nghệ An	x		003907
498	NGUYỄN THỊ HÀ XUYỀN	16/06/1994	*****81	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002887
499	VI VĂN Ý	05/05/1974	*****72	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	001369
500	NGUYỄN ĐỨC Ý	12/08/1973	*****43	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	003471
501	LÊ THỊ YẾN	25/11/1987	*****57	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		003347
502	NGUYỄN THỊ ANH YẾN	20/03/1990	*****52	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		002857